

Số: 849/2021/QĐST-HNGĐ

TP.T, ngày 16 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T-THÀNH PHỐ H**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 377/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

Bà Mai Thị Bé T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: 1304/4 NDT, Tổ 5, khu phố PL, phường LT, thành phố T, Thành phố H.

Ông Mai Văn T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 220/10/7 VVH, Tổ 5, khu phố HP, phường LT, thành phố T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự và người yêu cầu hiện cư trú tại thành phố T. Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Mai Thị Bé T và ông Mai Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Mai Thị Bé T và ông Mai Văn T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn vì trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông T và bà T đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy: Bà Mai Thị Bé T và ông Mai Văn T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 102 do Ủy ban nhân dân phường LT, Quận C (nay là TP.T), Thành phố H cấp ngày 21/12/2019. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông T và bà T có nhiều khác biệt về quan điểm, lối sống, hai bên không thể chia sẻ và nhận thấy không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông T và bà T đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống, chăm lo cho con.

Xét mâu thuẫn giữa ông T và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông T và bà T mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Bé T và ông Mai Văn T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số: 102 do Ủy ban nhân dân phường LT, Quận C (nay là TP.T), Thành phố H cấp ngày 21/12/2019 sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

2. Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông T và bà T mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền

300.000 đồng, ông T và bà T đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0047601 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố T;
- Ủy ban nhân dân phường phường LT, Quận C (nay là TP.T), Thành phố H.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu